TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 20-4-2021
"V/v Tuyên bố Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Tư;

2. Bà Dương Thị Phụng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến, Thư ký, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2021/QĐST- HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Lê Đài T**, sinh năm: 1997; địa chỉ: ấp B, xã A, huyện H, tỉnh Vĩnh Long; (có đơn xin xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh **Phạm Thành Đ**, sinh năm: 1997; địa chỉ: Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xử vắng mặt)

NHẬN THẤY:

* Tại đơn xin ly hôn ngày 25/02/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin xử vắng mặt nguyên đơn Lê Đài T trình bày:

Chị và anh Phạm Thành Đ thông qua mai mối, không liên lạc với nhau nhiều nhưng được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới ngày 01/01/2021, chưa đăng ký kết hôn vì nghĩ rằng sau khi đám cưới sẽ đăng ký kết hôn. Sau khi cưới về

sống chung được 12 (mười hai) ngày Chị thấy anh Đ cưỡng ép Chị trong quan hệ vợ chồng, có hành động xem thường Chị để thỏa mãng nhu cầu sinh lý, đến khi Chị khóc thì anh Đ mới dừng lại, mỗi đêm Chị rất sợ, từ đó làm ảnh hưởng tinh thần của Chị. Ngoài ra, anh Đ còn sử dụng cả loại gel bôi trơn sử dụng cho người lớn tuổi ở thời kỳ tiền mãng kinh, giúp kích thích và tăng khoái cảm lúc quan hệ, khi tiếp xúc với nhau anh Đ có những lời nói và hành động không thể hòa hợp được. Vì vậy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị được ly hôn anh Đ: Về con chung: không có; về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Chị T khai đến thời điểm xin ly hôn không có. Tại phiên tòa sơ thẩm chị T đề nghị xét xử vắng mặt do bận công việc và bảo lưu các ý kiến đã trình bày.

* Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án anh Phạm Thành Đ đã nhận được các tài liệu chứng cứ chị T gửi qua đường bưu điện và không có ý kiến gì về tài liệu, chứng cứ Chị giao nộp. Về quan hệ hôn nhân: Anh đồng ý với yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng giữa Anh và chị T. Về con chung: không có; về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung: không có. Tại phiên tòa sơ thẩm anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc và cũng không muốn gặp mặt chị T, Anh xin bảo lưu ý kiến đã trình bày, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

Đương sự cũng không xuất trình chứng cứ nào mới.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Đài T yêu cầu xin ly hôn; anh Phạm Thành Đ đồng ý; do Anh, Chị không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, căn cứ định tại các điều 51, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình Tòa án Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Đ. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V.

Chị T và anh Đ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định

tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ được cha mẹ hai bên tổ chức đám cưới và sống chung với nhau 12 (mười hai) ngày, có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng Anh, Chị chưa thực hiện vì vậy, đơn yêu cầu xin ly hôn của chị T được thụ lý theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, quan hệ hôn nhân của Anh, Chị không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên pháp luật không công nhận quan hệ vợ chồng; chị T yêu cầu ly hôn và được anh Đ đồng ý. Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa Anh, Chị quá mới mẻ, thời gian quá ngắn, chưa tìm hiểu tính tình của nhau, điều chỉnh bản thân về thái độ cư xử, tình cảm vợ chồng giành cho nhau. Vì vậy, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra là điều khó tránh khỏi, tuy nhiên tại phiên họp Tòa án đã động viên Anh, Chị cần có thời gian để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng Anh, Chị đều xác định cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn được. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng các điều 14, 53, 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh Đ.

[2.2] Về con chung: Không có, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đ, anh Đ không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng các điều 14, 51, 53, 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Áp dụng khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV - QH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lê Đài T và anh Phạm Thành Đ.

2/ Về con chung: Không có.

3/ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có.

4/ Về án phí: Chị Lê Đài T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu tiền số N^{0} 0000039 ngày 25/02/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- THADS TPV;
- VKSND TPV;
- TAND tỉnh VL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Loan

Út tự tìm hiểu rồi tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2013 tại Ủy ban nhân dân phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long do đó quan hệ hôn nhân của bà Mười Hai và ông Út là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân giữa bà Mười Hai và ông Út phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014 đã gửi đơn xin ly hôn một lần nhưng sau đó rút đơn, nay Ông, Bà tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và đã có thời gian sống ly thân với nhau từ tháng 10/2017 đến nay. Xét thấy, bà Mười Hai và ông Út không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Mười Hai yêu cầu ly hôn và được ông Út đồng ý